CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC
DN: c=VN, st=HỒ CHÍ MINH, l=TP.Thủ Đức, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304803601
Date: 2023.04.20 09:56:57 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1040 /TB-CNTĐ

TPHCM, ngày 20 tháng 4 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

- Mã chứng khoán: TDW
- Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM
- Điện thoại liên hệ: 19001012 Fax: 028 3896 0241
- E-mail: idscntd@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/4/2023 tại đường dẫn: https://www.capnuocthuduc.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- BB &Nghị quyết.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số : **18** /NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ	*Tp.HCM, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

_____

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức ngày 19 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Nước cung cấp (qua ĐHN)	1000 m³	102.600	101.728	99,15
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.178.774	1.179.548	100,07
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100
4	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	14,70	14,22	thấp hơn 0,48%

2. Báo cáo công tác quản trị năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị

3. Báo cáo hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 của ban kiểm soát.

4. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, các chỉ tiêu chủ yếu gồm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.188.776	1.203.393	101,23%
2	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	42.204	61.046	144,64%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
3	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	33.763	47.520	140,74%
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,35	21,35	116,35%

5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022

a) Phân phối lợi nhuận

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	47.519.739.206
2	Chia cổ tức	
2.1	Chia cổ tức từ lợi nhuận kinh doanh năm 2022 Tỷ lệ: 14% vốn điều lệ	11.900.000.000
2.2	Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối các năm trước. Tỷ lệ: 20% vốn điều lệ	17.000.000.000
3	Trích lập các quỹ	
3.1	Đầu tư phát triển :	-
3.2	Khen thưởng – Phúc lợi xã hội	15.000.000.000
3.3	Khen thưởng Người quản lý	379.274.400
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối kỳ này	20.240.464.806
5	LN chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	49.400.882.630
	Lợi nhuận chưa phân phối tăng do Kiểm toán nhà nước kiểm toán BCTC năm 2021	*31.786.140.706*
	Lợi nhuận chưa phân phối các kỳ trước	*17.614.741.924*
6	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối	69.641.347.436

b) Chi trả cổ tức.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định thời điểm chi trả cổ tức và thực hiện chi trả theo quy định.

6. Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2022.

Stt	Nội dung	Đvt	Số tiền
1	Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý năm 2022	đồng	3.034.195.200
2	Thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022	đồng	504.000.000

7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch tài chính; Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023.

a) Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2023
A	**Sản xuất kinh doanh**		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m^3	107.000.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.253.612
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,00
B	**Tài chính**		
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.260.552
2	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	54.986
3	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	43.989
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	36,24
5	Cổ tức	%	12,00
C	**Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2023**		
1	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr.đồng	2.722
2	Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị (kiêm thư ký) năm 2023:		
	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	đ/người/tháng	6.000.000
	Thành viên BKS (không chuyên trách)	đ/người/tháng	4.000.000
	Người phụ trách quản trị công ty (kiêm Thư ký công ty)	đ/người/tháng	5.000.000
	Mức thù lao trên không bao gồm tiền lương, thu nhập của các chức vụ kiêm nhiệm tại công ty.		

b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định điều chỉnh kế hoạch theo tình hình thực tế tại đơn vị.

8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

a) Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 tại Công ty gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (MOORE AISC)

b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán theo danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 tại Công ty.

9. Thông qua việc ký kết Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên gồm các hợp đồng sau:

9.1. Hợp đồng giao dịch năm 2022

Stt	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	Mua bán sỉ nước sạch năm 2022 (đơn giá 6.743,94 đồng/m³)	840.177.613.163
2	Chuyển nhượng vật tư chuyên ngành	14.638.405.320
3	Thuê tài sản hoạt động (mạng lưới cấp nước)	11.470.346.693
4	Bồi dưỡng thi nâng bậc thợ	24.000.000
5	Đào tạo kỹ thuật vận hành DMA; kỹ thuật thi công ống ngánh, đai tích hợp van	38.400.000
	Cộng	866.348.765.176

9.2 Hợp đồng giao dịch năm 2023.

Thông qua dự thảo hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn và giao Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2024 cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

Giám đốc công ty ký Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch sau khi được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị về đơn giá mua bán sỉ.

b) Hợp đồng thuê lại mạng lưới cấp nước do Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác sau khi đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

c) Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác để phục vụ cho hoạt động của đơn vị.

Hội động quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các giao dịch trên trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

10. Tạm ứng cổ tức năm 2023.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức năm 2023 tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Điều 2. Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập) nhiệm kỳ 2022 - 2027

Không lựa chọn được thành viên Hội đồng quản trị độc lập do không có ứng viên được đề cử, ứng cử.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- UBCKNN;
- SGDCK;
- Lưu.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Nguyễn Tống Đăng Khoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2023

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2023 về Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày … tháng … năm 2023, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN *(Bên bán)*

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Do Ông : **Nguyễn Thanh Sử** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 75/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC *(Bên mua)*

Trụ sở chính : Số 08 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 960 240 Fax: (84.8) 38 960 241

Tài khoản số : 102010000498746 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN 14 Tp. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0304803601

Do Ông : **Nguyễn Công Minh** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:

1.1.3.1. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.1.3.2. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.

1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.

1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.

1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.

1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.

1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.

1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **8.000.000 m^3** (tám triệu mét khối).

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:

2.1.1 Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác

định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại Khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được

nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Danh mục các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng được nêu tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua si nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu được quy định tại mục II, Phụ lục 2 của hợp đồng này. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.

3.3.3 Nếu có xảy ra phản ảnh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là **6.743,94 đồng/m^3**.

4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.

4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán

5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch như sau:

5.1.1 Ngày 01 (một) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán số tiền là 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng cho Bên A.

5.1.2 Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán tiếp số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng cho Bên A.

5.1.3 Ngày 10 (mười) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán tiếp số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng cho Bên A.

5.1.4 Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán tiếp số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng cho Bên A.

5.1.5 Ngày 20 (hai mươi) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.

5.1.6 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, 5.1.2, 5.1.3, 5.1.4, 5.1.5 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.

5.2 Trường hợp Bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.

5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (phụ lục 3).
- Thông báo số tiền phải thanh toán (phụ lục 4).
- Bảng kết quả kiểm nghiệm.
- Hóa đơn bán sỉ.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.

6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.

6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.

7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.

7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).

7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.

7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mang lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A.

7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.

7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ảnh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).

7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình ma vẫn không ngăn chặn được như:

- Chiến tranh, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn.
- Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
- Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
- Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
- Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.

8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gởi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023.

9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.

10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.

10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B **ĐẠI DIỆN BÊN A**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2023

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023
giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
và Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày … tháng … năm 2023, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:

Ông: **Nguyễn Thanh Sử** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 75/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC:

Ông: **Nguyễn Công Minh** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 sẽ thực hiện việc mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

I./ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

II./ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:

1. Khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 25 của mỗi tháng thông qua việc đọc số tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) của các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

2. Xác định khối lượng nước mua bán:

2.2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước sạch mua bán sỉ hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và

đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán sỉ nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B (Phụ lục).
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A (Phụ lục).
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:
  - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng (Phụ lục).
  - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

2.2.2 Cách tính lượng nước mua bán sỉ :

a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán sỉ được xác định:

$$Q = \sum_{i}^{n} Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với: Q_i : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán sỉ.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Hai bên thống nhất bổ sung quy trình xử lý, các trường hợp tính trung bình và quy tắc ứng xử trong các trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố, nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng như sau:

❖ Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố được thực hiện như sau:

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

+ Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.

+ Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.

+ Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất…) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

❖ <u>Các trường hợp tính trung bình lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm</u>:

+ ***Trường hợp 1: đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

+ ***Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng (nhiều hơn 10 ngày).***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối

lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

+ ***Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).***

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2 của Trường hợp 2.

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 3 của Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố nêu trên.

+ ***Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết***

Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo "hệ số K".

Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo Trường hợp 1 hoặc Trường hợp 2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

+ ***Trường hợp 5: đang ổn định trong hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:***

Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

+ ***Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:***

Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường ***so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ***. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo Trường hợp 2.

Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lận cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

Trường hợp giải quyết khắc phục theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ được thế để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

❖ Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng:

+ Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.

+ Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.

+ Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.

+ Lượng nước mua bán sỉ trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay tạm đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại Trường hợp 2.

+ Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí

tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.

Lượng nước đã tạm tính ở mục 4 của Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

2.2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ hai bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

2.2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút.

III./ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất xác định đơn giá hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 như sau:

GBS_{2023} = GBS tính lại $_{2022}$ * (1 + % Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân)

Trong đó:

- *GBS tính lại $_{2022}$:* là đơn giá mua bán si cho lượng nước khách hàng sử dụng khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B tính lại năm 2022 tăng theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân đạt được của năm 2022 so với năm 2021. Cụ thể là **6.743,94 đồng/m^3**.

- *% Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân:* là tốc độ tăng hoặc giảm giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2023 so với giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2022.

2. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 sẽ được tính theo đơn giá như sau:

   - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục) là **6.743,94 đồng/m^3**. Đơn giá này sẽ được tính toán lại vào cuối năm theo nguyên tắc xác định đơn giá trên.

   - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có) được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.

3. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

IV./ VỀ THANH TOÁN:

Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch cho Bên A thành 05 (năm) đợt như sau:

- Đợt 1: Ngày 01 (một) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán cho Bên A số tiền là 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng.

- Đợt 2: Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán tiếp cho Bên A số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng.

- Đợt 3: Ngày 10 (mười) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán tiếp cho Bên A số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng.

- Đợt 4: Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán tiếp cho Bên A số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng.

- Đợt 5: Ngày 20 (hai mươi) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán hết cho Bên A số tiền còn lại.

Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.

Thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng, nếu có những phát sinh ngoài dự kiến, hai bên sẽ cùng thương thảo để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

Đ/DIỆN CTY CP CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC	**Đ/DIỆN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN -TNHH MTV**

(Đính kèm Bản thỏa thuận về hợp đồng mua bán sỉ nước sạch ngày / /2023)

PHỤ LỤC
DANH SÁCH ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet)

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	td1001	Tran Nao
2	td1004	Khu vuc nha may nuoc Binh An
3	td1005	Khu vuc Binh Thang
4	td1006	Khu vuc Gian Dan
5	td1007	Khu vuc Dai hoc Quoc Gia
6	td1008	Khu vuc Xa lo Dai Han
7	td1010	Khuon vien NMN
8	td1011	Nguyen van Ba
9	td1012	Khu vuc Nga tu Binh Thai
10	td1014	RMK
11	td1016	C/x An Binh
12	td1017	Riverside
13	td1018	Khu vuc An Dien - An Phu
14	td1020	Lien tinh lo 25B
15	td1025	Vo Van Ngan
16	td1026	Nguyen Xien
17	td1027	Cau Binh Phuoc (TD)
18	td1028	Thap cat ap Thu Duc
19	td1029	Xa lo Ha Noi (doi dien NMN BOO)
20	td1030	Truyen tai dien 4
21	td1032	Nga ba Tan Van (moi lap)
22	td1041	Luong Dinh Cua – Tinh lo 25B
23	td1043	Do Xuan Hop
24	td1044	Nga ba cat lai
25	td1047	Quoc lo 13 - Kha Van Can (Tram xang dau Forimex)
26	td1048	Le Van Viet (2)
27	td1049	Linh Dong - duong 28
28	td1051	7 Dang Van Bi – Nguyen Van Ba
29	td1052	Vo Van Ngan – Le Van Chi
30	td1053	Chan cau Sai Gon
31	td1054	Cay xang Dong Hoa, 132 Xa lo Ha Noi, Di An Binh Duong

2. Đồng hồ tổng tách mạng

STT	Mã vị trí	Vị trí
32	td2019	Cau Binh Trieu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 17/BB-CNTĐ-ĐHĐCĐ	*Tp.HCM, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

---

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103005935 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304803601 ngày 28 tháng 04 năm 2022.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM.

2. Thời gian và địa điểm khai mạc Đại hội.

- Thời gian: 9h00' ngày 19/4/2023.
- Địa điểm: Trung tâm hội nghị Minh Thùy - Số 01-02A Alexandre DeRhodes, phường Bình Thọ, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM.

3. Thành phần tham dự

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Ban giám đốc;
- Cổ đông và đại diện theo danh sách chốt ngày 23/3/2023.

NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI

I. PHẦN NGHI THỨC VÀ THỦ TỤC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI.

1. Khai mạc Đại hội

Tính đến 9h00' số cổ đông và đại diện đến tham dự Đại hội là 36 cổ đông, sở hữu và đại diện ủy quyền cho 8.122.171/8.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 95,55%. Tỷ lệ cổ đông tham dự đủ điều kiện để tiến hành Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

2. Thông qua danh sách Ban chủ tọa, Ban kiểm phiếu và Ban thư ký.

Để điều khiển Đại hội, 100% cổ đông tham dự đã giơ thẻ biểu quyết thông qua danh sách Ban chủ tọa, Ban kiểm phiếu gồm các thành viên sau:

a) Ban chủ tọa.

- Ông Nguyễn Tống Đăng Khoa - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa.
- Ông Trương Khắc Hoành – Thành viên HĐQT – Thành viên.
- Ông Nguyễn Công Minh – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Thành viên.

b) Ban kiểm phiếu

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Lành – Trưởng ban.
- Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy – Thành viên
- Bà Thạch Dương Kim An – Thành viên.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thành viên.
- Bà Nguyễn Vũ Minh Thi – Thành viên.
- Bà Trương Thị Kiều Phượng – Thành viên.

c) Ban thư ký:

Ban chủ tọa đã chỉ định Ban thư ký để giúp việc cho Ban chủ tọa điều khiển Đại hội gồm các thành viên sau:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Trưởng ban.
- Ông Đinh Đức Điển – Thành viên.

3. Thông qua chương trình đại hội; Quy chế tổ chức đại hội; Thể lệ biểu quyết

Ban tổ chức đã trình bày Chương trình nghị sự, Quy chế tổ chức đại hội và Thể lệ biểu quyết để cổ đông xem xét thông qua (toàn văn tài liệu đại hội đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và phương tiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán từ ngày 28/3/2023).

- Kết quả biểu quyết: 100% cổ đông tham dự giơ thẻ biểu quyết thông qua Chương trình; Quy chế tổ chức; Thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI

1. Báo cáo công tác quản trị năm 2022; Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.

Tại Đại hội, Thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng Ban kiểm soát; Giám đốc công ty đã trình bày Báo cáo công tác quản tri; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2022; Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và định hướng hoạt động năm 2023 (toàn văn báo cáo đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và phương tiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán từ ngày 28/3/2023).

2. Đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 tại Công ty.

Ban kiểm soát đề xuất các đơn vị kiểm toán để cổ đông xem xét quyết định gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (MOORE AISC)

- Kết quả biểu quyết: 100% cổ đông tham dự giơ thẻ biểu quyết thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát.

3. Tờ trình các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ

Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông để cổ đông biểu quyết thông qua gồm các nội dung sau:

3.1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.188.776	1.203.393	101,23%
2	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	42.204	61.046	144,64%
3	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	33.763	47.520	140,74%
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	18,35	21,35	116,35%

3.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022

a) Phân phối lợi nhuận năm 2022

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	47.519.739.206
2	Chia cổ tức	
2.1	Chia cổ tức từ lợi nhuận kinh doanh năm 2022 Tỷ lệ: 14% vốn điều lệ	11.900.000.000
2.2	Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối các năm trước. Tỷ lệ: 20% vốn điều lệ	17.000.000.000
3	Trích lập các quỹ	
3.1	Đầu tư phát triển :	-
3.2	Khen thưởng – Phúc lợi xã hội	15.000.000.000
3.3	Khen thưởng Người quản lý	379.274.400
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối kỳ này	20.240.464.806
5	LN chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	49.400.882.630
	Lợi nhuận chưa phân phối tăng do Kiểm toán nhà nước kiểm toán BCTC năm 2021	*31.786.140.706*
	Lợi nhuận chưa phân phối các kỳ trước	*17.614.741.924*
6	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối	69.641.347.436

b) Chi trả cổ tức năm 2022

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định thời điểm chi trả cổ tức và thực hiện chi trả theo quy định.

3.3 Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý; Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022.

Stt	Nội dung	Đvt	Số tiền
1	Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý năm 2022	đồng	3.034.195.200
2	Thù lao thực hiện của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022	đồng	504.000.000

3.4 Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch tài chính; Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023.

a) Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2023
A	**Sản xuất kinh doanh**		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m^3	107.000.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.253.612
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,00
B	**Tài chính**		
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.260.552
2	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	54.986
3	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	43.989
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	36,24
5	Cổ tức	%	12,00
C	**Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2023**		
1	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr.đồng	2.722
2	Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị (kiêm thư ký) năm 2023:		
	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	đ/người/tháng	6.000.000
	Thành viên BKS (không chuyên trách)	đ/người/tháng	4.000.000
	Người phụ trách quản trị công ty (kiêm Thư ký công ty)	đ/người/tháng	5.000.000
	Mức thù lao trên không bao gồm tiền lương, thu nhập của các chức vụ kiêm nhiệm tại công ty.		

(Theo tài liệu phát hành ngày 28/3/2023, kế hoạch chỉ tiêu Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là 17,91%. Tuy nhiên, sau khi rà soát số liệu, Công ty trình Cổ đông thông qua tại Đại hội chỉ tiêu này với tỷ lệ là 36,24%).

b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định điều chỉnh kế hoạch theo tình hình thực tế tại đơn vị.

3.5. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

a) Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 tại Công ty gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (MOORE AISC)

b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán theo danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 tại Công ty.

3.6 Thông qua việc ký kết Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên:

3.6.1. Hợp đồng giao dịch năm 2022

Stt	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	Mua bán sỉ nước sạch năm 2022 (đơn giá 6.743,94 đồng/m^3)	840.177.613.163
2	Chuyển nhượng vật tư chuyên ngành	14.638.405.320
3	Thuê tài sản hoạt động (mạng lưới cấp nước)	11.470.346.693
4	Bồi dưỡng thi nâng bậc thợ	24.000.000
5	Đào tạo kỹ thuật vận hành DMA; kỹ thuật thi công ống ngánh, đai tích hợp van	38.400.000
	Cộng	866.348.765.176

3.6.2 Hợp đồng giao dịch năm 2023.

Thông qua dự thảo các hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn và giao Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2024 cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

Giám đốc công ty ký Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch sau khi được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị về đơn giá mua bán sỉ.

b) Hợp đồng thuê lại mạng lưới cấp nước do Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác sau khi đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

c) Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác để phục vụ cho hoạt động của đơn vị.

Hội động quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các giao dịch trên trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

3.7. Tạm ứng cổ tức năm 2023.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức năm 2023 tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

III. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT (THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP) - NHIỆM KỲ 2022 -2027

Chủ tọa Đại hội trình bày nội dung về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập) nhiệm kỳ 2022 – 2027 ngay tại Đại hội như sau:

Để thực hiện quy định về quản trị công ty, tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, trong thư mời họp 15/TB-CNTĐ-HĐQT ngày 28/3/2023 kèm tài liệu Đại hội, Công ty đã thông báo việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập) nhiệm kỳ 2022 – 2027. Tuy nhiên, đến hết thời hạn nhận giấy đề cử, ứng cử theo thông báo, Công ty không nhận được giấy đề cử, ứng cử tham gia vào thành viên Hội đồng quản trị.

Do đó, tại kỳ đại hội thường niên năm 2023, Công ty vẫn không bầu chọn được thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định.

IV. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Ý kiến đóng góp của cổ đông: không có

V. CÔNG BỐ KẾT QUẢ BỎ PHIẾU:

Chủ tọa đoàn công bố Biên bản kiểm phiếu như sau:

- Tổng số cổ đông /đại diện/ủy quyền được mời dự họp: 188 cổ đông
- Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu (đến trước khi niêm phong thùng phiếu): 35 cổ đông.
- Tổng số quyền biểu quyết: 8.123.071 quyền.
- Tổng số quyền biểu quyết nội dung về Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn THNN Một thành viên: 3.788.071 quyền (*).
- Tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp: 100%
- Số phiếu hợp lệ: 35 phiếu, tỷ lệ phiếu hợp lệ: 100 %

- Phiếu không hợp lệ: 0 phiếu , tỷ lệ phiếu không hợp lệ: 0 %

Kết quả bỏ phiếu biểu quyết

Stt	Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo của Ban giám đốc về Kết quả hoạt động năm 2022; định hướng hoạt động năm 2023	8.123.071 – 100%		
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty và hoạt động của HĐQT năm 2022; định hướng hoạt động năm 2023	8.123.071 – 100%		
3	Báo cáo hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát; định hướng hoạt động năm 2023. Đề xuất đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023	8.123.071 – 100%		
4	Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán	8.123.071 – 100%		
5	Kế hoạch Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022	8.123.071 – 100%		
6	Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2022; Kế hoạch thù lao năm 2023.	8.123.071 – 100%		
7	Kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính và Quỹ tiền lương Người quản lý năm 2023	8.123.071 – 100%		
8	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023	8.123.071 – 100%		
9	Thông qua việc ký kết Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên	3.788.071 – 100%		
10	Ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức năm 2023	8.123.071 – 100%		

(*) Về nội dung Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn, căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn là cổ đông có lợi ích liên quan nên không biểu quyết nội dung này.

VI. GIỚI THIỆU BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Được sự phân công của Ban chủ tọa, Ban thư ký giới thiệu toàn văn dự thảo Nghị quyết và Biên bản đại hội để Đại hội thông qua.

100% cổ đông tham dự đã giơ thẻ biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

VI. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Chủ tọa tuyên bố bế mạc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức năm 2023.

Đại hội kết thúc vào lúc: 11 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN CHỦ TỌA

CHỦ TỌA	TV. BAN CHỦ TỌA	TV. BAN CHỦ TỌA
Nguyễn Tống Đăng Khoa	Trương Khắc Hoành	Nguyễn Công Minh

BAN THƯ KÝ

Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Đinh Đức Điển